

Bản án số: 50/2020/HS-ST
Ngày: 21/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng
2. Ông Nguyễn Duy Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **PHẠM ĐỨC T**, tên gọi khác: Beo; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 06/7/1984 tại tỉnh Quảng Nam.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã N, huyện X, tỉnh Q.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 06/12.

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông.

Con ông Phạm L (chết) và bà Phan Thị Đ, sinh năm 1955; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba.

Có vợ là bà Võ Thị T (sinh năm 1989) và có 01 người con sinh năm 2016.

Tiền án: Năm 2003 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản" theo Bản án số 43/HSST ngày 16/7/2003.

Tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ/tạm giam ngày 05/12/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **NGUYỄN VĂN Y**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 25/01/1990 tại thành phố Đà Nẵng.

Nơi cư trú: Tổ 33 phường T, quận K, thành phố Đ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 05/12.

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông.

Con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1961 và bà Phan Thị L, sinh năm 1961;
Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ/tạm giam ngày 05/12/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Ngô Văn T1, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Tổ 33 phường T, quận K, thành phố Đ. (vắng mặt)

- Bà Phan Thị Đ, sinh năm: 1955; Địa chỉ: Tổ 33 phường T, quận K, thành phố Đ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 05/12/2019, Nguyễn Văn Y gọi điện thoại rủ Phạm Đức T mua ma túy để sử dụng thì T đồng ý nên Y đi đến quán nhậu V đường K2, thành phố Đà Nẵng để gặp T. Tại đây, Y rủ Ngô Văn T1 đến ngồi chơi. Sau khi ăn uống xong, T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner biển số 43D1-618.16 chở Y và T đi về nhà mẹ ruột T địa chỉ K814A/H41/12 đường C, phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng để bàn chuyện đi biển. Tại đây, Y đưa cho T 160.000 đồng để mua ma túy, T góp số tiền 100.000 đồng rồi T đưa số tiền 260.000 đồng cho một người thanh niên tên Bì (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để nhờ mua ma túy đá. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Bì đến đưa cho T 01 gói ma túy đá rồi bỏ đi, T đem lên gác lửng của nhà số K814A/H41/12 đường C, thành phố Đà Nẵng, lấy ra một ít ma túy để sử dụng cùng với Y. Lúc này, T1 đang ngồi chơi điện tử thì lại ngồi cùng sử dụng ma túy. Đến 20 giờ 30 phút cùng ngày, Công an phường Thanh Khê Đông kiểm tra hành chính nhà số K814A/H41/12 đường C, thành phố Đà Nẵng, phát hiện bắt quả tang T và Y có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy, thu giữ tại góc nhà trên gác có 01 gói nilong chứa tinh thể màu trắng, được niêm phong, kí hiệu G.

Bản Kết luận giám định số 335/GĐ-MT ngày 12/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong gói nilong trong bì niêm phong ký hiệu G gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng tinh thể mẫu G là 0,238 gam.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 Bì niêm phong đựng toàn bộ vỏ bao gói mẫu hoàn trả sau giám định theo Kết luận giám định số 335/GĐ-MT ngày 12/12/2019, có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng.

- 02 Quẹt ga màu vàng qua sử dụng; 01 nắp nhựa hình tròn màu trắng, bên trên có gắn 01 ống nhựa màu xanh; 01 ống nhựa màu xanh.

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, số Imei: 865266034904236, gắn sim số 0935788845; 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 645.000 đồng thu giữ của Phạm Đức T (T sử dụng điện thoại và số tiền trên vào mục đích cá nhân); 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Đức T.

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imei: 355763107112959, gắn sim số 0768494215; số tiền 500.000 đồng; 01 tờ giấy cầm đồ thu giữ của Nguyễn Văn Y (Y sử dụng điện thoại và số tiền trên vào mục đích cá nhân).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner biển số 43D1-618.16 (kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh, số Imei: 353465104156300/01 thu giữ của Ngô Văn T1.

- 01 Xe mô tô không rõ nhãn hiệu, biển số 43X2-1651, số khung: RLCS5C207Y054946, số máy: 5C62054946.

Qua xác minh, xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 43D1-618.16 thuộc sở hữu của ông Ngô Quốc L (*sinh năm 1984, trú tại tổ 33 phường T, quận K, thành phố Đ- là em ruột của Ngô Văn T1*). Vào chiều ngày 05/12/2019, T1 mượn xe trên của ông L để đi lại. Ngày 20/01/2020, Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê đã trả lại xe trên cho ông L.

Đối với điện thoại di động Samsung màu xanh do Ngô Văn T1 sở hữu và sử dụng, không liên quan đến vụ án. Ngày 20/01/2020 Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê đã trả lại điện thoại cho T1.

Đối với xe mô tô không rõ nhãn hiệu, biển số 43X2-1651 thu giữ tại trước nhà số K814A/H41/12 đường C, thành phố Đà Nẵng. Qua tra cứu, biển số có chủ sở hữu là Dương Thị T2 (*địa chỉ tổ 20 phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng*), còn tra cứu số khung, số máy xe có chủ sở hữu là Nguyễn Văn N (*địa chỉ tổ 05 phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng*). Qua xác minh, bà T2 và ông N đã đi khỏi địa phương, đi đâu, làm gì không rõ. Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê tiếp tục xác minh, xử lý sau đối với xe mô tô này.

Kết quả thử nước tiểu: Phạm Đức T, Nguyễn Văn Y và Ngô Văn T1 dương tính với chất ma túy. Biên bản ngày 09/12/2019 của Trung tâm y tế quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xác định T, Y và T1 là người nghiện chất ma túy. Vì vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Đức T và Nguyễn

Văn Y về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Ngoài ra, Phạm Đức T còn có hành vi để cho Nguyễn Văn Y và Ngô Văn T1 sử dụng ma túy tại nhà do mình quản lý. Do cả ba đều là người nghiện ma túy, căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Mục II Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hành vi của T không phạm tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy".

Đối với Ngô Văn T1 không góp tiền mua ma túy và không biết việc T, Y bàn bạc mua ma túy, chỉ tham gia sử dụng ma túy nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại Bản Cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 31/3/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Phạm Đức T và Nguyễn Văn Y về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị HĐXX căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Phạm Đức T và Nguyễn Văn Y phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và:

Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Đức T mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù giam.

Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Y mức án từ 15 tháng đến 21 tháng tù giam.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu, tiêu hủy: Ma túy hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01 bì niêm phong số 335/GĐ-MT ngày 12/12/2019, có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, 02 quẹt ga màu vàng qua sử dụng; 01 nắp nhựa hình tròn màu trắng, bên trên có gắn 01 ống nhựa màu xanh; 01 ống nhựa màu xanh.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Đức T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, số Imei: 865266034904236, gắn sim số: 0935788845; 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 645.000 đồng thu giữ của Phạm Đức T, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Đức T nhưng cần tiếp tục quy trừ số tiền 645.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho Nguyễn Văn Y: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imei: 355763107112959, gắn sim số: 0768494215; số tiền 500.000 đồng; 01 tờ giấy cầm đồ thu giữ của Nguyễn Văn Y nhưng cần tiếp tục quy trừ số tiền

500.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21 tháng 4 năm 2020 và biên lai thu tiền số 007322 ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Phạm Đức T và Nguyễn Văn Y cũng đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, rất ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra quận Thanh Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát quận Thanh Khê, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo thì thấy: Qua xem xét lời khai nhận tội của các bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào tối ngày 05/12/2019 Nguyễn Văn Y rủ Phạm Đức T cùng góp tiền mua ma túy về sử dụng. Y góp 160.000đồng, T góp 100.000đ rồi T đưa số tiền 260.000đồng cho một người tên Bi (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để nhờ mua ma túy đá. Đến 20 giờ 30 phút cùng ngày, Công an phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang tại nhà số K814A/H41/12 đường C, Phạm Đức T, Nguyễn Văn Y và Ngô Văn T1 đang sử dụng trái phép chất ma túy, thu giữ 0,238 gam ma túy, loại Methamphetamine mà T và Y cất giấu nhằm mục đích sử dụng. Qua giám định, ma túy có khối lượng 0,238 gam, loại Methamphetamine.

Hành vi của Nguyễn Văn Y và Phạm Đức T đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 54/CT- VKS ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Hành vi của các bị cáo có tính chất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền trong việc quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Bị cáo đủ khả năng nhận thức được việc tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy đang là tệ nạn của xã hội, là nguyên nhân của các tội phạm khác gây mất an ninh trật tự, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của nòi giống, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội, nhưng các bị cáo vẫn phạm tội.

Bị cáo Phạm Đức T có 01 tiền án: Ngày 16/7/2003 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng, xử phạt Phạm Đức T 09 tháng tù giam về tội “Hủy hoại tài sản”. (áp dụng khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999). Đến ngày 16/01/2004 T chấp hành xong hình phạt tù, kết quả xác minh T vẫn chưa thi hành nộp số tiền 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nên chưa được xóa án tích. Do đó lần phạm tội lần này hành vi của bị cáo thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo thể hiện tính chất liều lĩnh và coi thường pháp luật, do đó HĐXX thấy phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Y là người chưa có tiền án, tiền sự nhưng do đua đòi, ăn chơi nên lao vào con đường nghiện ngập. Bị cáo Y là người trực tiếp rủ rê, lôi kéo bị cáo T và chủ động đưa số tiền 160.000đ cho bị cáo T để mua ma túy sử dụng. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng vai trò của bị cáo Y phạm tội tích cực hơn bị cáo T. Do vậy, cần phải xét xử nghiêm, hình phạt đối với bị cáo phải thỏa đáng và tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo tu dưỡng để trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Y và Phạm Đức T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng cho các bị cáo.

Từ những phân tích trên, xét lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê về tội danh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý các vật chứng trong vụ án, cụ thể như sau:

- Đối với ma túy hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01 bì niêm phong số 335/GĐ-MT ngày 12/12/2019, có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng là vật cấm lưu hành; 02 quẹt ga màu vàng qua sử dụng; 01 nắp nhựa hình tròn màu trắng, bên trên có gắn 01 ống nhựa màu xanh; 01 ống nhựa màu xanh là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng nên cần

tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, số Imei: 865266034904236, gấn sim số: 0935788845; 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 645.000 đồng thu giữ của Phạm Đức T (*T sử dụng điện thoại và số tiền trên vào mục đích cá nhân*); 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Đức T là các tài sản cá nhân của Phạm Đức T không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho Phạm Đức T nhưng cần tiếp tục quy trừ số tiền 645.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imei: 355763107112959, gấn sim số: 0768494215; số tiền 500.000 đồng; 01 tờ giấy cầm đồ thu giữ của Nguyễn Văn Y (*Y sử dụng điện thoại và số tiền trên vào mục đích cá nhân*). Đây là các tài sản cá nhân của Nguyễn Văn Y không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho Nguyễn Văn Y nhưng cần tiếp tục quy trừ số tiền 500.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

[6] *Về án phí*: Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Đối với xe mô tô không rõ nhãn hiệu, biển số: 43X2-1651 thu giữ tại trước nhà số K814A/H41/12 đường C, thành phố Đà Nẵng. Qua tra cứu, biển số có chủ sở hữu là Dương Thị T2 (*địa chỉ : Tổ 20, phường Hoà Cường Nam, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng*), còn tra cứu số khung, số máy xe có chủ sở hữu là Nguyễn Văn Nam (*địa chỉ: Tổ 05, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng*). Qua xác minh, chị Thê và anh Nam đã đi khỏi địa phương, đi đâu, làm gì không rõ. Cơ quan CSĐT Công an Q. Thanh Khê tiếp tục xác minh, xử lý sau đối với xe mô tô này, Hội đồng xét xử thấy phù hợp.

[8] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Đức T, Nguyễn Văn Y và Ngô Văn T1, Công an quận Thanh Khê đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[9] Đối với đối tượng tên Bi là người bán ma túy cho Phạm Đức T nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau, Hội đồng xét xử thấy phù hợp.

[10] Trong giai đoạn điều tra và truy tố, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng. Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Như vậy, hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đức T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Đức T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 12 năm 2019.

2. Căn cứ vào Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Y phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Y 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 12 năm 2019.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên:

- Tịch thu, tiêu hủy: Ma túy hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01 bì niêm phong số 335/GĐ-MT ngày 12/12/2019, có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, 02 quạt ga màu vàng qua sử dụng; 01 nắp nhựa hình tròn màu trắng, bên trên có gắn 01 ống nhựa màu xanh; 01 ống nhựa màu xanh.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Đức T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, số Imei: 865266034904236, gắn sim số: 0935788845; 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 645.000 đồng thu giữ của Phạm Đức T, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Đức T nhưng cần tiếp tục quy trừ số tiền 645.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho Nguyễn Văn Y: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imei: 355763107112959, gắn sim số: 0768494215; số tiền 500.000 đồng; 01 tờ giấy cầm đồ thu giữ của Nguyễn Văn Y nhưng cần tiếp tục quy trừ số tiền 500.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21 tháng 4 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Thanh Khê và Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê; Biên lai thu tiền số 007322 ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Phạm Đức T và Nguyễn Văn Y, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2020). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê;
- Viện KSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an quận Thanh Khê;
- Cơ quan Thi hành án hình sự quận Thanh Khê;
- Trại tạm giam – Công an thành phố Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Minh Cúc